TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - LÀO CAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 07-01-2026
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Thanh Vân và bà Đặng Thị Hồng Duyên

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Hà Thị Mai Huế -Thư ký Toà án nhân dân khu vực 1 - Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thanh Loan và ông Hoàng Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Lào Cai, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 113/2025/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2025 và Thông báo về việc mở lại phiên toà số 14/2025/TB-XX ngày 25 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn G, sinh năm 1990. Thẻ CCCD số 015090012008 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ C ngày 25-6-2021. Địa chỉ: TDP Đ, phường N, tỉnh Lào Cai.

- Bị đơn: Chị Hoàng Thị Q, sinh năm 1990. Thẻ CCCD số 015190008884 do Bộ C cấp ngày 20-02-2025. Địa chỉ: Tổ dân phố N, phường V, tỉnh Lào Cai.

Anh G vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; chị Q vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24 tháng 10 năm 2025, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Văn G trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Hoàng Thị Q kết hôn ngày 25-02-2016 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh Yên Bái cũ (nay là phường N, tỉnh Lào Cai) trên cơ sở tự nguyện. Trong quá trình chung sống, anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính cách không còn phù hợp nên thường xuyên xảy ra tranh cãi. Hiện tại, chị Q đã chuyển về sinh sống tại nhà mẹ đẻ ở tổ dân phố N, phường V, tỉnh Lào Cai. Anh và chị Q đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay và không còn quan tâm đến cuộc sống riêng của nhau nữa. Mâu

thuẫn đã được hai vợ chồng tự hòa giải nhiều lần nhưng vẫn không cải thiện được. Anh Giáp xác Đ tình cảm vợ chồng đã hết, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Hoàng Thị Q.

- Về nuôi con: Anh và chị Hoàng Thị Q có 02 con chung là cháu Nguyễn Hải Đ1, sinh ngày 01-9-2016 và cháu Nguyễn Thị Linh Đ2, sinh ngày 23-5-2018. Anh G đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai con và không yêu cầu chị Q phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại anh đang làm công việc lao động tự do, có mức thu nhập khoảng 15.000.000 đồng/ 01 tháng.

- Về chia tài sản, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, như: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, các Thông báo về phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Thông báo mở lại phiên tòa cho chị Q nhưng chị không đến Toà án làm việc và cũng không nộp cho Toà án văn bản nêu quan điểm, ý kiến của mình đối với việc giải quyết vụ án. Do đó không có quan điểm, ý kiến của chị Q về việc giải quyết vụ án để lưu hồ sơ. Do chị Q cố ý vắng mặt, không đến Toà án giải quyết việc ly hôn, nuôi con với anh G nên Toà án giải quyết vụ việc theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Lào Cai phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án, cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án, các thành viên của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các quyền, nghĩa vụ của đương sự đã được bảo đảm.

+ Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 28, 35, 39, khoản 4 Điều 147; các Điều 227, 228, 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 56; Các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho anh Nguyễn Văn G được ly hôn với chị Hoàng Thị Q; Về nuôi con: Giao cháu Nguyễn Hải Đ1, sinh ngày 01-9-2016 và cháu Nguyễn Thị Linh Đ2, sinh ngày 23-5-2018 cho anh G trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi. Chị Q không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Về án phí, buộc nguyên đơn phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*". Bị đơn - chị Hoàng Thị Q có hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố N, phường V, tỉnh Lào Cai. Căn

cứ khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Lào Cai.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn G và chị Hoàng Thị Q tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh Yên Bái cũ (nay là phường N, tỉnh Lào Cai) là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn, theo anh G trình bày những mâu thuẫn này không thể hàn gắn. Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã báo gọi các đương sự đến làm việc, hoà giải, xong chỉ có anh G đến làm việc theo yêu cầu của Toà án. Chị Q mặc dù đã được Toà án thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng cả quá trình giải quyết vụ án, chị Q không đến làm việc, cũng không nộp cho Toà án văn bản trình bày, nêu ý kiến của mình về việc ly hôn, nuôi con. Qua đó thể hiện chị Q không có thiện chí hoà giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Từ đó, có căn cứ cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh G và chị Q đã trầm trọng, anh G và chị Q đã sống ly thân, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của anh G là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về nuôi con: Anh G và chị Q có 02 con chung là cháu Nguyễn Hải Đ1, sinh ngày 01-9-2016 và cháu Nguyễn Thị Linh Đ2, sinh ngày 23-5-2018. Anh G đề nghị Tòa án giao cho anh được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con và không yêu cầu chị Q cấp dưỡng.

Xét thấy, hiện cháu Đ1 và cháu Đ2 đang ở cùng anh G, do anh G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; tại biên bản lấy lời khai của Toà án, hai cháu đều có nguyện vọng được ở cùng với anh G. HĐXX thấy, hiện cháu Đ1, cháu Đ2 đang sinh sống ổn định cùng anh G. Mặt khác, cả quá trình giải quyết vụ án, chị Q không có ý kiến gì về việc nuôi con, để đảm bảo cho việc sinh hoạt, học tập của cháu Đ1 và cháu Đ2, cần thiết giao cả hai cháu cho anh G trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi là phù hợp quy định của pháp luật.

Chị Q có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con khi có nhu cầu theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Do anh G không yêu cầu, nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[5] Về chia tài sản, nợ chung: Do đương sự không yêu cầu, nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[8] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà về việc giải quyết nội dung vụ án là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 4 Điều 147; các Điều 227, 228, 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn G được ly hôn với chị Hoàng Thị Q.

2. Về nuôi con: Giao cháu Nguyễn Hải Đ1, sinh ngày 01 tháng 9 năm 2016 và cháu Nguyễn Thị Linh Đ2, sinh ngày 23 tháng 5 năm 2018 cho anh Nguyễn Văn G trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi. Chị Hoàng Thị Q không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn G phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh đã nộp theo biên lai số 0001226 ngày 14-10-2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai. Xác nhận anh G đã nộp đủ tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn G và chị Hoàng Thị Q được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND khu vực 1 - Lào Cai;
- THADS tỉnh Lào Cai;
- UBND p. Nam Cường, tỉnh Lào Cai (Giấy CNKH số 01 ngày 25-02-2016 của UBND xã Cường Thịnh, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái cũ);
- Các đương sự (02);
- Lưu hồ sơ, TA, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Thị Thủy